

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CP
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 157/2021/HNGĐ-ST

Ngày : 31 – 3 – 2021

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CP, TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Yến Anh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hoàng Tuấn;

2. Ông Nguyễn Ngọc Bờ.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Nguyên Huân – Cán bộ Tòa án nhân dân huyện CP; Ông Võ Văn Hòa – Thư ký Tòa án nhân dân huyện CP.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện CP tham gia phiên tòa: Nguyễn Văn Thành – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 3 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện CP xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 262/2020/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 5 năm 2020 về “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 60/2021/QĐXXST- HNGĐ ngày 19 tháng 02 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số: 30/2021/QĐST – HNGĐ ngày 12 tháng 3 năm 2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà HTL, sinh năm 1987. Địa chỉ: Số 432, tổ 07, khóm Mỹ Chánh, phường VM, thành phố CD, tỉnh An Giang. (Có mặt)

2. *Bị đơn:* Ông NMT, sinh năm 1988. Địa chỉ: Tổ 09, ấp Khánh Bình, xã KH, huyện CP, tỉnh An Giang. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 05 tháng 5 năm 2020, nguyên đơn bà L trình bày như sau:

Bà và ông T do quen biết, tìm hiểu nhau nên chúng tôi tự nguyện tiến đến hôn nhân vào năm 2015, có đăng ký kết hôn tại UBND xã KH, huyện CP, tỉnh An Giang vào ngày 11/4/2016. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2019 phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do ông T ăn nhậu, thường ghen tuông vô cớ, làm ảnh hưởng hạnh phúc gia đình. Hiện bà và ông T đã sống ly

thân từ ngày 12/11/2019 âm lịch đến nay. Nay bà nhận thấy tình cảm của bà với ông T đã không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà ly hôn với ông T.

Trong thời gian chung sống, bà với ông T có 01 (Một) con chung tên: Nguyễn Thị Ngọc Trinh, sinh ngày 06/8/2017. Từ khi bà và ông T ly thân đến nay, con chung đều do bà trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn, bà yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung, yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 1.000.000đ đến khi con chung thành niên và có khả năng tự lập. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong thời hạn chuẩn bị xét xử, bị đơn ông NMT được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không đến Tòa để tham gia các quá trình tố tụng của Tòa, không có văn bản trình bày ý kiến về yêu cầu ly hôn của bà L.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn bà L trình bày: Vẫn giữ yêu cầu xin ly hôn, tiếp tục được nuôi con chung Nguyễn Thị Ngọc Trinh, sinh ngày 06/8/2017 và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung. Bà L trình bày, theo chứng minh nhân dân thì bà tên là HTL nhưng giấy đăng ký kết hôn của bà ghi tên là Hứa Thủy Liễu, bà xác định tại phiên Tòa là do giấy đăng ký kết hôn của bà ghi là Liễu nhưng tên đúng của bà theo chứng minh là L. Tòa án căn cứ vào chứng minh nhân dân xác định bà tên là HTL.

- Bị đơn ông T: Vắng mặt tại phiên Tòa.

** Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện CP phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:*

- Thẩm phán được công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục xét xử sơ thẩm vụ án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Đối với người tham gia tố tụng: Nguyên đơn thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn tự từ bỏ quyền tham gia tố tụng.

- Về việc giải quyết vụ án: Bà L và ông T chung sống, có đăng ký kết hôn là thực hiện đúng quy định của Luật Hôn nhân và gia đình. Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn không đến Tòa án trình bày ý kiến, không quan T cuộc sống vợ chồng, Tòa án xác minh thể hiện bà L và ông T đã ly thân. Qua đó cho

thấy cuộc sống hôn nhân giữa bà L và ông T đã có mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà L. Đối với con chung Nguyễn Thị Ngọc Trinh, sinh ngày 06/8/2017, hiện đang sống chung với bà L. Nhận thấy, bà L đủ điều kiện nuôi con, là người trực tiếp nuôi nên cần ổn định cuộc sống cho con chung, đề nghị Hội đồng xét xử giao con chung cho bà L trực tiếp nuôi. Tại phiên tòa, bà Liêu không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung nên đề nghị không xem xét. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét. Đề nghị Hội đồng xét xử tiếp tục giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Ông T vẫn còn sinh sống, cư trú tại ấp Khánh Bình, xã KH, huyện CP, tỉnh An Giang nên Tòa án nhân dân huyện CP thụ lý, giải quyết là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về sự có mặt, vắng mặt của người tham gia tố tụng: Bị đơn ông T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do chính đáng. Do đó Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của bà L:

Bà L và ông T chung sống, có đăng ký kết hôn nên được pháp luật công nhận là vợ chồng, phù hợp với quy định của Luật Hôn nhân và gia đình. Bà L trình bày vợ chồng chung sống hòa thuận thời gian đầu nhưng về sau phát sinh nhiều mâu thuẫn, do vợ chồng thường xuyên cãi nhau, ông T ghen tuông vô cớ, bà L không thể tiếp tục chung sống nên đã ly thân khoảng 02 năm nay. Nhận thấy, quá trình Tòa án thụ lý đến khi đưa vụ án xét xử, ông T đều vắng mặt, không có ý kiến về yêu cầu ly hôn của bà L. Điều này chứng tỏ, ông T không quan tâm đến cuộc sống vợ chồng, không muốn hòa giải để vợ chồng tiếp tục chung sống. Tòa án tiến hành xác minh nguyên nhân mâu thuẫn được địa phương cung cấp thông tin vợ chồng bà L và ông T đã sống ly thân. Xét thấy mối quan hệ vợ chồng giữa bà L và ông T thực tế là có phát sinh mâu thuẫn nên đã ly thân, trong thời gian hơn hai năm không sống cùng nhau các bên không có biện pháp hàn gắn quan hệ vợ chồng với nhau. Tại phiên tòa, bà L kiên quyết yêu cầu được ly hôn, ông T không có ý kiến đối với yêu cầu của bà L, chứng tỏ ông T không có thiện chí hàn gắn mối quan hệ vợ chồng. Điều này cho thấy mâu thuẫn giữa bà L và ông T ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà L.

Về con chung: Quá trình chung sống, vợ chồng có 01 (Một) con chung tên Nguyễn Thị Ngọc Trinh, sinh ngày 06/8/2017, hiện cháu Trinh đang sống chung với bà L. Về điều kiện nuôi con, bà L đảm bảo điều kiện nuôi con, chăm sóc con tốt, cuộc sống của con chung ổn định, bị đơn ông T không có ý kiến về việc nuôi con chung. Để đảm bảo ổn định, quyền và lợi ích của con chung nên Hội đồng xét xử chấp nhận giao con chung Nguyễn Thị Ngọc Trinh cho bà L trực tiếp nuôi. Tại phiên tòa, bà L thay đổi yêu cầu khởi kiện là không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí sơ thẩm: Bà L phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Khoản 1 Điều 8; khoản 1 Điều 9; Điều 56; khoản 1, khoản 2 Điều 81; khoản 1, khoản 3 Điều 82; Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình 2014.

- Căn cứ Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

- Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của bà HTL, bà HTL được ly hôn với ông NMT.

(Giấy chứng nhận kết hôn số 37 cấp ngày 11 tháng 4 năm 2016 của UBND xã KH không còn giá trị pháp lý, khi bản án có hiệu lực pháp luật).

- Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Thị Ngọc Trinh, sinh ngày 06/8/2017 cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng, bà L không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung.

Bà L cùng các thành viên gia đình không được cản trở ông T thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

(Việc trực tiếp nuôi con chưa đủ 18 tuổi và việc cấp dưỡng nuôi con không cố định, có thể thay đổi theo quy định của pháp luật.)

- Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết do không có yêu cầu.

- Về án phí sơ thẩm: Bà HTL phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm được trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số: TU/2019/0006513 ngày 25 tháng 5 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện CP.

- Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND.AG;
- VKSND.HCP;
- THA HCP;
- UBND xã KH;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Yến Anh

